

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/01/2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2020.

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị Minh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: KP L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Minh H, sinh năm 1987; Địa chỉ: KP L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận : Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Chị Đàm Thị Minh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L1 vào năm 2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với gia đình chồng. Năm 2018 chị T và anh H được gia đình chồng cho đất làm nhà ở riêng. Quá trình chung sống của hai vợ chồng trong thời gian

đầu rất hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ đó giữa chị T và anh H thường xảy ra cãi vã, không còn sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình. Hiện tại giữa hai vợ chồng không còn tình cảm thương yêu đối với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh H đã sinh được một người con chung tên là Đỗ Thành N, sinh ngày 17/10/2013. Trường hợp ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Đỗ Minh H trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013. Sau khi kết hôn anh H và chị T chung sống với nhau tại khu phố L, thị trấn L1. Quá trình chung sống của hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bất hòa. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm thương yêu đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị T đã sinh được một người con chung tên là Đỗ Thành N. Trường hợp ly hôn anh H đồng ý giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn - anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết :

+ Về quan hệ hôn nhân : Chấp nhận cho chị Đàm Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Minh H.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Thành N, sinh ngày 17/10/2013 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị T không được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Nhân thành niên.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh H phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn - anh Đỗ Minh H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt; anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đàm Thị Minh T và anh Đỗ Minh H tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L1 và năm 2013. Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H không chung thủy với chị T mà có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó dẫn tới những bất hòa trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn sự thương yêu gắn bó với nhau mà mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình. Hiện tại chị T và anh H đều có nguyện vọng ly hôn, không mong muốn hòa giải đoàn tụ với nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần xử cho chị T và anh H được ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:* Trong thời gian chung sống, chị T và anh H đã sinh được một người con chung tên là Đỗ Thành N, sinh ngày 17/10/2013. Trong quá trình tố tụng chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con; anh H đồng ý giao con cho chị T nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Xét thấy: chị T và anh H đã có sự thống nhất về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, cụ thể: Chị T sẽ có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đỗ Thành N cho đến khi thành niên; anh H sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000đồng. Xét thấy nguyện vọng của chị T và anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật; không trái

đạo đức xã hội nên cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Cần buộc chị Đàm Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; điều 55; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đàm Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Minh H.
- *Về con chung*:
 - + Chị Đàm Thị Minh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Đỗ Thành N, sinh ngày 17/10/2013 cho đến khi thành niên.
 - + Anh Đỗ Minh H được quyền thăm nom, chăm sóc con và có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi.
- *Về án phí*:
 - + Anh Đỗ Minh H phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.
 - + Chị Đàm Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N0027088, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/01/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND thị trấn L1;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận